

Số: 78/2024/CV-PW  
V/v: Công bố thông tin về hợp Đại hội  
đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí
- Mã chứng khoán: PWA
- Trụ sở chính: VP3, Khu văn phòng, Tầng 5B, Tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 0243.7474.510 Fax: 0243.843.1942
- Người thực hiện công bố thông tin: Dương Thị Lệ.
- Loại thông tin công bố: định kỳ
- Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí công bố Biên bản họp số 31/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2024 và Nghị quyết họp số 32/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí tại địa chỉ: [www.petrowaco.vn](http://www.petrowaco.vn) vào ngày 09/05/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng !

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, TCK.

**Đính kèm:** Biên bản họp ĐHĐCĐ;  
Nghị quyết họp ĐHĐCĐ;  
Tài liệu họp ĐHĐCĐ.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BẮT ĐỘNG SẢN  
DẦU KHÍ  
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI  
Dương Thị Lệ



Số: 32/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí số 31/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2024.

### QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số chỉ tiêu sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG                                  | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch (%) |
|-----|---|---------------|----------------|--------------------------------------|
| 1   | 2   | 3             | 4              | 5                                    |
| I   | Giá trị đầu tư phát triển                 | 26.986        | 474            | 1,8                                  |
| II  | Tổng doanh thu                            | 41.534        | 20.074         | 48                                   |
| 1   | Doanh thu các công trình, dự án           | 41.234        | 19.273         | 47                                   |
| 1.1 | Dự án 97 - 99 Láng Hạ                     | 34.901        | 19.273         | 55                                   |
| 1.2 | Dự án C1 Thành Công                       | 6.333         | -              | -                                    |
| 2   | Doanh thu hoạt động tài chính             | 300           | 801            | 267                                  |
| III | Giá vốn hàng bán                          | 25.160        | 20.181         | 80                                   |
| IV  | Chi phí tài chính và quản lý doanh nghiệp | 7.396         | 4.213          | 57                                   |
| V   | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD               | 8.978         | (4.320)        |                                      |
| VI  | Lợi nhuận khác                            | -             | (242)          |                                      |
| VII | Tổng lợi nhuận trước thuế                 | 8.978         | (4.562)        |                                      |

|             |                                       |              |                |              |
|-------------|---------------------------------------|--------------|----------------|--------------|
| <b>VIII</b> | <b>Thuế TNDN</b>                      | <b>1.796</b> | <b>0</b>       | <b>-</b>     |
| <b>IX</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>             | <b>7.182</b> | <b>(4.562)</b> |              |
| 1           | Lợi nhuận phân phối cho bên liên danh | 4.136        | (217)          |              |
| 2           | Lợi nhuận sau thuế của Petrowaco      | 3.046        | (4.345)        |              |
| <b>X</b>    | <b>Cổ tức</b>                         | <b>-</b>     | <b>-</b>       | <b>-</b>     |
| <b>XI</b>   | <b>Các khoản phải nộp ngân sách</b>   | <b>2.470</b> | <b>29.666</b>  | <b>1.201</b> |

## 2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT         | NỘI DUNG   | Kế hoạch<br>2023 | Thực hiện<br>2023 | Kế hoạch<br>2024 |
|-------------|--|------------------|-------------------|------------------|
| 1           | 2  | 3                | 4                 | 5                |
| <b>I</b>    | <b>Giá trị đầu tư phát triển</b>                 | <b>26.986</b>    | <b>474</b>        | <b>14.000</b>    |
| <b>II</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>                            | <b>41.534</b>    | <b>20.074</b>     | <b>52.456</b>    |
| 1           | Doanh thu các công trình, dự án                  | 41.234           | 19.273            | 51.856           |
| 2           | Doanh thu hoạt động tài chính                    | 300              | 801               | 600              |
| <b>III</b>  | <b>Giá vốn hàng bán</b>                          | <b>25.160</b>    | <b>20.181</b>     | <b>37.153</b>    |
| <b>IV</b>   | <b>Chi phí tài chính và quản lý doanh nghiệp</b> | <b>7.396</b>     | <b>4.213</b>      | <b>5.322</b>     |
| <b>V</b>    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động SXKD</b>               | <b>8.978</b>     | <b>(4.320)</b>    | <b>9.980</b>     |
| <b>VI</b>   | <b>Lợi nhuận khác</b>                            | <b>-</b>         | <b>(242)</b>      | <b>-</b>         |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                 | <b>8.978</b>     | <b>(4.562)</b>    | <b>9.980</b>     |
| <b>VIII</b> | <b>Thuế TNDN</b>                                 | <b>1.796</b>     |                   | <b>1.996</b>     |
| <b>IX</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                        | <b>7.182</b>     | <b>(4.562)</b>    | <b>7.984</b>     |
| 1           | Lợi nhuận phân phối cho bên liên danh            | 4.136            | (217)             | 5.429            |
| 2           | Lợi nhuận sau thuế của Petrowaco                 | 3.046            | (4.345)           | 2.555            |
| <b>X</b>    | <b>Cổ tức</b>                                    | <b>-</b>         | <b>-</b>          | <b>-</b>         |
| <b>XI</b>   | <b>Các khoản phải nộp ngân sách</b>              | <b>2.470</b>     | <b>29.666</b>     | <b>3.500</b>     |

**Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng năm 2024.**

1. Tiếp tục chủ trương thoái vốn tại Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại và du lịch Viwaseen; Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ; Giao cho Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện thoái vốn tại 02 đơn vị nêu trên tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty tiến hành việc chi trả cổ tức còn lại cho các cổ đông khi đảm bảo nguồn tài chính và đủ điều kiện chi trả theo quy định.

**Điều 3. Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2023.**

**Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, với một số chỉ tiêu sau:**

*Đơn vị tính: đồng*

| TT         | Các chỉ tiêu                                    | Số tiền                |
|------------|---|------------------------|
| 1          | 2   | 3                      |
| <b>I</b>   | <b>Tổng tài sản</b>                             | <b>211.559.560.631</b> |
| 1          | Tài sản ngắn hạn                                | 135.205.867.757        |
| 2          | Tài sản dài hạn                                 | 76.353.692.874         |
| <b>II</b>  | <b>Tổng nguồn vốn</b>                           | <b>211.559.560.631</b> |
| 1          | Nợ phải trả                                     | 136.108.637.697        |
| 2          | Vốn chủ sở hữu                                  | 75.450.922.934         |
| <b>III</b> | <b>Kết quả kinh doanh</b>                       |                        |
| 1          | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 19.273.127.879         |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế                            | (4.561.971.675)        |
| 3          | Lợi nhuận sau thuế                              | (4.561.971.675)        |

**Điều 5. Phê duyệt quyết toán thù lao, thu nhập Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2023 và thông qua dự toán 2024.**

1. Quyết toán thù lao, thu nhập HĐQT, BKS năm 2023 là: 508.107.000 đồng

2. Dự toán thù lao/thu nhập của HĐQT, BKS năm 2024:

- Chủ tịch HĐQT: Tổng mức thù lao/thu nhập là: 25.700.000 đồng/tháng và được điều chỉnh, quyết toán căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng

(Mức thù lao/thu nhập trên của HĐQT và BKS đã bao gồm thuế TNCN phải nộp theo quy định, được tính vào chi phí SXKD năm 2024).

**Điều 6. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023.**

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung   | Giá trị          |
|----|--|------------------|
| 1  | 2  | 3                |
| 1  | Lợi nhuận phân phối sau thuế năm 2023                        | (4.345.450.588)  |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm trước chuyển sang | (29.732.391.272) |
| 3  | Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến năm 2023                   | (34.077.841.860) |
| 4  | Trích lập các Quỹ  | 0                |
| 5  | Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối đến 31/12/2023               | (34.077.841.860) |

**Điều 7. Thông qua việc lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.**

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một (01) đơn vị kiểm toán trong danh sách và giao Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng kiểm toán. Trong trường hợp các đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên không tham gia kiểm toán BCTC năm 2024, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng được tiêu chí đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

**Điều 8. Điều khoản thi hành.**

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT, Tổng giám đốc, BKS tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, của các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí thông qua toàn văn Nghị quyết với tỷ lệ biểu quyết “Tán thành” là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08/05/2024.

**Nơi nhận:**

- Các Cổ đông (đăng website Công ty thay cho gửi thông báo tới cổ đông);
- Sở GDCKHN (để báo cáo);
- HĐQT, Ban TGĐ, BKS (để thực hiện);
- Người CBTT (để CBTT);
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Thân Thế Sơn**